

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2021/DS - PT

Ngày: 02/12/2021

V/v “*tranh chấp quyền về lối đi qua*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp quyền về lối đi qua*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2021/DS – ST ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 204/2021/QĐ – PT ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Văn C, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền ông C:* Anh Nguyễn Thành P, sinh năm 1996, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2021)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông D:* Chị Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2020)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà 6.09 HQ3CC.CC1 Plaza, ấp 3, xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đỗ Thị K, sinh năm 1958;

3. Phạm Văn K1, sinh năm 1981;

4. Trần Thị D, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà K, ông K1, bà D:* Ông Trần Văn C. (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2021, 22/9/2020)

5. Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre.

6. Nguyễn Thị G, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà 341/Q8 đường L, Phường N, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Nguyễn Văn Chí L1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số nhà 362/71 đường N, Phường B, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1980;

9. Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Trúc L, bà G, ông Chí L1:* Bà Nguyễn Thị Đ1. (Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2020)

10. Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông L2:* Bà Phạm Thị L3, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021) (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trần Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Năm 2015 ông được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 139, 163, 164, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Đ, huyện B. Trên các thửa đất trên ông có 01 căn nhà cấp 4, đã đào 02 ao nuôi tôm công nghệ cao, 03 ao nuôi tôm theo truyền thống. Con ông là Trần Minh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 177, 178, cùng tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Đ, huyện B và hai thửa đất này liền kề với các thửa đất của ông. Tổng diện tích đất mà ông và con ông dùng cho nuôi tôm công nghiệp là 16.500 m² đất.

Từ đất của ông, con ông là Trần Minh T đi ra đến đường công cộng thì phải đi qua phần đất thuộc thửa 1280 tờ bản đồ số 4, tọa lạc Ấp B, xã Đ, huyện B của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ.

Hiện hộ ông Đ đã có dành một phần đất cho gia đình ông làm lối đi ra đường công cộng vào có diện tích 24,1 m² tại các thửa 143-3 diện tích 0,2 m² + thửa 143-4 diện tích 1 m² + thửa 143-2 diện tích 22,8 m² + thửa 164-1 diện tích 0,1 m² nhưng lối đi hiện có không đảm bảo thuận tiện gây khó khăn cho việc sinh sống cũng như việc gia đình khi vận chuyển thức ăn, thu hoạch tôm phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ mở rộng thêm cho ông một phần diện tích nữa để thuận tiện cho ông trong việc đi lại, cụ thể ở các thửa 143-1 diện tích 24,3 m² + thửa 164-2 diện tích 0,4 m² = 24,7 m², ông đồng ý bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre. Đối với bức tường do ông Đ xây trong lúc ông đã có đơn khởi kiện thì ông không đồng ý bồi thường.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Thửa đất số 1280, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Đ được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/9/2000 cho hộ ông Nguyễn Văn Đ. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ gồm có 05 thành viên gồm: Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Ngọc D1, Nguyễn Thị Trúc L, Nguyễn Văn Chí L1.

Khoảng 20 năm trước đây thì nhà ông C có đi lối đi vào đất của ông ngay trước cửa nhà bà Trần Thị L4, qua trước cửa nhà bà Nguyễn Thị Y rồi sau đó mới đi qua phần đất của thửa 1280 của ông. Năm 2006 ông C mới xin ông Đ cho đi tạm một lối đi ra lộ thuộc thửa 1280, tờ bản đồ số 4, có kích thước ngang 0,6 m, dài khoảng 29 m lối đi này ngay phần đất thổ cư của ông Đ nhưng đến tháng 5 năm 2020 thì ông C tự đổ đá mi trên lối đi mà không hỏi ý kiến của ông Đ nên ông Đ không cho ông C đi mà mở lối đi khác của phần đất cuối của thửa 1280 có cạnh giáp với đất của ông L2, ngay vị trí mà ông C có tranh chấp hiện tại.

Trước khi khởi kiện tại Tòa án, ông C có nhờ con rể ông lên gặp ông Đ để hỏi mua 3m đất làm lối đi, ông Đ không có ý định bán đất nhưng vì tình làng nghĩa xóm ông đồng ý bán cho ông C 3m, giá mỗi mét là 70.000.000 đồng mà ông C chỉ đồng ý mua với giá là 30.000.000 đồng nên không đồng ý mua và khởi kiện tại Tòa án. Hiện tại, gia đình ông Đ trước khi xây hàng rào bê tông đã dành ra một phần diện tích đất là 24,1 m² tại các thửa 143-3 diện tích 0,2 m² + thửa 143-4 diện tích 01 m² + thửa 143-2 diện tích 22,8 m² cho ông C đi vào phần đất của ông.

Theo kết quả đo đạc của Tòa án ngày 05/01/2021, lối đi mà hộ ông Đ đã dành ra cho ông C làm lối đi có kích thước ở cạnh giáp lộ ĐH-57 là 1,26 m (tính từ các điểm B, C, D), còn cạnh giáp đất của ông C có kích thước là 1,19 m (tính từ các điểm I, H, G). Phần đất dùng làm lối đi hiện tại đã đảm bảo thuận tiện cho ông C đi vào đất của ông. Đối với phần đất gia đình ông Đ cho ông C đi có diện tích 24,1 m², hộ gia đình ông Đ tự nguyện không yêu cầu ông C phải bồi thường thiệt hại.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông C, yêu cầu phải mở rộng thêm lối đi có diện tích là 24,7 m² tại các thửa 143-1 diện tích 24,3 m² + thửa 164-2 diện tích 0,4 m², thì gia đình ông không đồng ý. Lý do: Đất đã làm hàng rào kiên cố, ông Đ có ý định sẽ chia ra cho các con và nhiều cháu để sử dụng làm nhà ở, làm khu thổ mộ của gia đình nên không thể mở rộng lối đi cho ông C được nữa. Trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, yêu cầu ông C phải bồi thường toàn bộ diện tích đất, giá trị bức tường cho gia đình ông Đ.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L2 trình bày:

Theo kết quả đo đạc của Tòa án ngày 05/01/2021, ông L2 đề nghị Tòa án lấy mốc ranh giới giữa thửa đất của ông giáp với đất ông Nguyễn Văn Đ theo hồ sơ địa chính mà giải quyết. Cụ thể là đường ranh B,K,I là ranh đất giữa ông L2 và ông Đ nên thửa đất 143-3 diện tích 0,2 m² là thuộc đất của ông Đ. Do bận công việc nên yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Ngọc D1 cùng trình bày:

Thửa đất 1280, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Đ là đất của gia đình bà. Thửa đất này nằm liền kề với phần đất của ông Trần Văn C. Năm 2006 ông C có xin cha bà là ông Đ đi tạm trên con đường thuộc đất của gia đình bà có bề ngang khoảng 0,6 mét, bề dài từ lộ nông thôn đến nhà ông. Tháng 4 năm 2020 ông C ngang nhiên đổ đá mi trên lối đi này, cha bà không đồng ý. Sau đó, ông C làm đơn gửi đến Tổ hòa giải và Ủy ban nhân dân xã Đ với nội dung là ông cho rằng

đường đi mà ông đang sử dụng là ông đã đổi đất với ông Đ, sự việc đổi đất hoàn toàn không có và chính quyền địa phương hòa giải thành công, sau đó ông hỏi mua đường đi phần cuối đất của nhà bà giáp với đất ông L2 ngang 2m, dài khoảng 20m, bà đồng ý bán giá 70 triệu đồng/mét nhưng ông C không đồng ý nên gia đình bà đã thống nhất là để cho ông C 01 mét đường đi ở cuối đất. Buổi hòa giải kết luận trong 10 ngày ông C không yêu cầu đo đạc xác định ranh và không lên thỏa thuận với ông Đ thì bà có quyền làm hàng rào, nhà bà đã làm hàng rào theo sự cho phép của Ban hòa giải.

Ngoài ra, đất ông C có giáp kênh nên thuận tiện cho việc đi bằng đường thủy, đất ông C có cạnh giáp đất ông Nguyễn Thanh H và ông H đang kêu bán muốn mở rộng lối đi thì thỏa thuận mua theo giá bán của ông H hoặc mua thêm vài tấc đất của ông L2 kế bên mở rộng lối đi. Ông C khởi kiện yêu cầu mở rộng lối đi thì đây là đất của cha bà, cha bà đang quản lý và canh tác, đang bơm cát, cất nhà cho em bà. Vì chỗ tình làng nghĩa xóm gia đình bà đã để lối đi ở cuối phần đất cho ông C đi trên 01 mét rồi nên gia đình bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2021/DS – ST ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với ông Nguyễn Văn Đ về “Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề”.

2. Ghi nhận hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ đồng ý dành một phần diện tích đất là 24,1 m², biểu thị tại các điểm B, C, D, G, H, I thuộc các thửa được ký hiệu 143-3 + 143-4 + 143-2 + 164-1 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/01/2021 kèm theo cho hộ gia đình ông Trần Văn C dùng làm lối đi.

Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng bắc giáp đường ĐH-57;

Hướng nam thửa 164 của ông C;

Hướng đông giáp thửa 143 còn lại của ông Đ;

Hướng tây giáp thửa 144 của ông L2 và bà L3.

Phần đất dùng làm lối đi thuộc một thửa 1280, tờ bản đồ số 4 do hộ ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chiều cao giới hạn của lối đi là 04 (bốn) mét.

3. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với hộ ông Nguyễn Văn Đ đối với phần diện tích đất dùng làm lối đi 24,1 m² mà hộ gia đình ông Trần Văn C được quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề dùng làm lối đi.

Hộ gia đình ông Trần Văn C được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ đối với phần lối đi mà hộ gia đình ông Trần Văn C được quyền sử dụng và phải tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng của các bên mà pháp luật quy định.

Hộ gia đình ông Trần Văn C có quyền đăng ký việc xác lập quyền sử dụng hạn chế đối với phần diện tích đất có mở lối đi tại một phần của thửa đất số 1280, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu hộ gia đình ông Trần Văn C phải bồi thường thiệt hại cho phần đất dành cho hộ gia đình ông Trần Văn C đã dùng làm lối đi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/7/2021 ông Trần Văn C kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn mở lối đi cho ông tại những điểm A, B, C, D, E, F, G, H, I, J, K, A với diện tích 52,8 m² thuộc một phần thửa 143, tờ bản đồ số 29 do ông Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông C đồng ý hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Đ theo giá của Hội đồng định giá tỉnh Bến Tre đã định và 50% giá trị bức tường của phía bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, có văn bản trình bày vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của ông C. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Phần đất thuộc thửa 164, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Đ, huyện B của ông Trần Văn C bị vây bọc bởi các bất động sản khác, muốn ra lộ công cộng phải đi ngang thửa 143, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại xã Đ, huyện B của ông Nguyễn Văn Đ nên ông C có yêu cầu mở lối đi là phù hợp với quy định tại Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 và ông Đ cũng đồng ý nên ghi nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông C về yêu cầu buộc bị đơn ông Đ mở lối đi cho ông tại những điểm A, B, C, D, E, F, G, H, I, J, K, A với diện tích 52,8 m² thuộc một phần thửa 143, tờ bản đồ số 29, thấy rằng:

Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện B cung cấp, lối đi hiện tại ông Đ đã mở có chiều ngang từ điểm B đến điểm D (đoạn giáp lộ) là 1,26m, từ điểm G đến điểm H (đoạn giáp đất ông C) là 1,02m. Như vậy, chiều ngang trung bình của lối đi hiện hữu là hơn 01m. Lối đi ông C yêu cầu chiều ngang từ điểm B đến điểm E (đoạn giáp lộ) là 2.41m, từ điểm F đến điểm H (đoạn giáp đất ông C) là 2.03m. Trên lối đi ông C yêu cầu có bức tường rào của nhà ông Đ. Chiều ngang đất của ông Đ đoạn giáp lộ khoảng 12m, ông Đ đã mở lối đi cho ông C chiều ngang 1,26m, phần còn lại của ông Đ cũng không còn nhiều. Ông C cho rằng ông Đ xây hàng rào trong thời gian tranh chấp tuy nhiên ông Đ đã xây hàng rào trước khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án, sau giai đoạn Ủy ban nhân dân xã Đ. Theo biên bản hòa giải tại xã Đ có đoạn thể hiện: từ ngày 5 đến ngày 15 tháng 6 nếu ông C không tiến hành đo đạc xác định ranh thì bên bà Đ1 (con ông Đ) có quyền xây hàng rào. Do đó, việc ông Đ xây hàng rào là phù hợp với thỏa thuận tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Hơn nữa, chiều ngang 1,26m cũng thuận tiện cho việc đi lại của gia đình ông C, lối đi này cũng chỉ có gia đình ông C sử dụng nên kháng cáo của ông C là không có cơ sở nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2021/DS – ST ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 254 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 170, 171, 95 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C đối với ông Nguyễn Văn Đ về “Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề”.

2. Ghi nhận hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ đồng ý dành một phần diện tích đất là 24,1 m², biểu thị tại các điểm B, C, D, G, H, I thuộc các thửa được ký hiệu 143-3 + 143-4 + 143-2 + 164-1 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 05/01/2021 kèm theo cho hộ gia đình ông Trần Văn C dùng làm lối đi.

Phần đất có tứ cận như sau:

Hướng bắc giáp đường DH-57;

Hướng nam thửa 164 của ông C;

Hướng đông giáp thửa 143 còn lại của ông Đ;

Hướng tây giáp thửa 144 của ông L2 và bà L3.

Phần đất dùng làm lối đi thuộc một thửa 1280, tờ bản đồ số 4 do hộ ông Nguyễn Văn Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chiều cao giới hạn của lối đi là 04 (bốn) mét.

3. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với hộ ông Nguyễn Văn Đ đối với phần diện tích đất dùng làm lối đi 24,1 m² mà hộ gia đình ông Trần Văn C được quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề dùng làm lối đi.

Hộ gia đình ông Trần Văn C được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ đối với phần lối đi mà hộ gia đình ông Trần Văn C được quyền sử dụng và phải tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng của các bên mà pháp luật quy định.

Hộ gia đình ông Trần Văn C có quyền đăng ký việc xác lập quyền sử dụng hạn chế đối với phần diện tích đất có mở lối đi tại một phần của thửa đất số 1280,

tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu hộ gia đình ông Trần Văn C phải bồi thường thiệt hại cho phần đất dành cho hộ gia đình ông Trần Văn C đã dùng làm lối đi.

5. Chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Văn C chịu toàn bộ chi phí tố tụng 5.929.000 đồng và đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn C được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu L2 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương